

Số: /BC-SVHTTDL

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
Tổng hợp tình hình thực thi pháp luật về văn hóa, gia đình
giai đoạn 2017 - 2021

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện nội dung Văn bản số 570/BVHTTDL-PC ngày 25/02/2021 của Bộ VHTTDL về việc tổng hợp tình hình thực thi pháp luật về văn hóa, gia đình giai đoạn 2017 - 2021, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổng hợp và báo cáo như sau:

I. Đánh giá kết quả thực thi pháp luật về văn hóa, gia đình giai đoạn 2017-2021

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về văn hóa, gia đình được triển khai kịp thời, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở. Hằng năm, Sở VHTTDL tổ chức 01 Hội nghị tập huấn về các văn bản quy phạm pháp luật mới trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch cho đối tượng là cán bộ văn hóa các địa phương trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh dịch vụ văn hóa. Mỗi đợt tập huấn có số lượng học viên tham gia từ 300 – 400 học viên. Thường xuyên lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật về văn hóa, gia đình thông qua các hoạt động cổ động trực quan, các liên hoan, hội thi, hội diễn do ngành VHTTDL tổ chức.

- Sở VHTTDL hiện đang phân công 01 công chức có trình độ Thạc sỹ chuyên ngành Luật phụ trách lĩnh vực Pháp chế của cơ quan, thực hiện các nhiệm vụ trong công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác pháp chế, thi hành pháp luật, phổ biến pháp luật tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc. Phòng Thanh tra Sở có biên chế 04 người, thường xuyên chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống, ngăn chặn các hoạt động vi phạm pháp luật về văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Giai đoạn 2017 – 2021, công tác văn hóa, gia đình trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả như sau:

+ **Về di sản văn hoá vật thể:** Từ năm 2017 đến năm 2020, tỉnh có thêm 01 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, 11 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, nâng tổng số di tích được xếp hạng trên toàn tỉnh lên 29 di tích; một số di tích được trùng tu, tôn tạo, mua trang thiết bị nội thất: Căn cứ địa khu 10, xã Krong, huyện Kbang (2017, 2018), Khu lưu niệm Anh hùng Wuu (Wou) (2019), Di tích khảo cổ thời đại Đá cũ Rộc Tung, Gò Đá tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai (2018) vừa

được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia tháng 11/2020...; đã tổ chức rà soát, kiểm kê và xây dựng danh mục kiểm kê di tích dự kiến lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng trong giai đoạn 2018 – 2023; tổ chức đăng ký di vật, cổ vật đối với 3 hiện vật thuộc Bảo tàng tỉnh; 01 hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia (Phù điêu Phật thuộc văn hoá Chăm Pa, năm 2017).

+ **Về di sản văn hoá phi vật thể:** Từ năm 2017 - 2019, đã tổ chức kiểm kê được 33 hồ sơ trên địa bàn huyện Đak Pơ, Chư Păh, Ia Grai; 08 nghệ nhân đã được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể lần thứ Hai năm 2018, nâng tổng số Nghệ nhân Ưu tú toàn tỉnh lên 23 nghệ nhân; tổ chức nghiên cứu, phục dựng một số nghi lễ truyền thống: Lễ mừng nhà rông mới của người Bahnar huyện Kbang (2018), Lễ cầu mưa của Yang Potao Apui tại huyện Phú Thiện (hàng năm); huy động nghệ nhân tham gia các hoạt động di sản văn hoá ngoài tỉnh góp phần quảng bá, giới thiệu đặc trưng văn hoá Gia Lai đến các dân tộc khác trong nước, đồng thời là hoạt động để đồng bào dân tộc thiểu số lưu giữ, duy trì nét đẹp văn hoá truyền thống của mình; tổ chức một số sự kiện văn hoá, khoa học nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản: Festival văn hóa công chiêng Tây Nguyên tại tỉnh Gia Lai năm 2018, Hội thảo khoa học về Tây Sơn Thượng đạo trong khởi nghĩa Tây Sơn, Hội thảo khoa học quốc tế về khảo cổ học.

+ **Nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp**

Tỉnh Gia Lai có 01 đơn vị NTBD chuyên nghiệp duy nhất là Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San (CMNTHĐS), được định hướng theo dòng nghệ thuật dân gian dân tộc truyền thống. Trong những năm qua, Nhà hát CMNTH Đam San đã thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phục vụ các sự kiện chính trị lớn của tỉnh, biểu diễn phục vụ Nhân dân trong các dịp lễ, tết... Biểu diễn lưu động phục vụ Nhân dân tại các huyện, thị xã, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, đặc biệt khó khăn. Ngoài ra, Nhà hát còn tham gia biểu diễn tại các chương trình nghệ thuật ngoài tỉnh, dàn dựng những tiết mục chất lượng mang đậm bản sắc Tây Nguyên để giới thiệu với bạn bè trên cả nước, đã giành được nhiều huy chương, giải thưởng trong các Hội thi, Liên hoan, Hội diễn khu vực và toàn quốc.

Tuy nhiên hiện nay, cơ sở vật chất của Nhà hát vẫn chưa được đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại, trang thiết bị tập luyện của diễn viên còn thiếu thốn, chưa có sân khấu riêng để tổ chức các chương trình nghệ thuật phục vụ người dân định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý.

So với các mục tiêu đề ra, trung bình các năm từ năm 2017 đến 2020, Nhà hát CMNTH Đam San đã thực hiện đạt và vượt mức cụ thể: Biểu diễn phục vụ cơ sở 130 buổi/năm đạt 108,3%, dàn dựng mới 15 chương trình/năm, đạt 100%.

+ Nghệ thuật biểu diễn quần chúng

Tại các địa phương, phong trào văn hóa nghệ thuật quần chúng phát triển mạnh mẽ, phần nào đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn.

Đa số các địa phương đều định kỳ tổ chức Hội thi Văn hóa – Thể thao các dân tộc thiểu số, Hội diễn Nghệ thuật quần chúng cấp huyện, thị xã hàng năm hoặc 2-3 năm/lần. Thông qua các hội thi, hội diễn này đã bồi dưỡng, tạo nguồn lực của địa phương tham gia các hoạt động cấp tỉnh, lựa chọn các đoàn nghệ nhân xuất sắc tham gia các chương trình biểu diễn và quảng bá văn hóa địa phương tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Các đội tuyên truyền lưu động ở cơ sở tăng cường tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, biểu diễn phục vụ người dân trên địa bàn.

+ Điện ảnh, phát hành phim và chiếu bóng

Toàn tỉnh mới chỉ có 02 rạp chiếu phim tại Pleiku được đầu tư về cơ sở vật chất và chất lượng phim và 02 Đội chiếu bóng lưu động phục vụ tại các huyện, thị xã. Nhìn chung hoạt động điện ảnh, phát hành phim và chiếu bóng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân trong tỉnh. Số lượng rạp chiếu phim ít, đặc biệt ở các huyện, thị xã của tỉnh chưa thành lập được các rạp chiếu tư nhân cũng như chưa thành lập được các doanh nghiệp tư nhân trên lĩnh vực điện ảnh. Năm 2017 phục vụ 330 buổi chiếu phim, năm 2018 phục vụ 336 buổi chiếu, năm 2019 phục vụ 336 buổi chiếu, năm phục vụ 220 buổi (do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19).

+ Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Triển lãm

Hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm (MTNATL) ở Gia Lai bước đầu phát triển và ổn định. Nhưng tỉnh hiện vẫn chưa có thiết chế hoặc cơ sở vật chất dành riêng cho hoạt động này; kinh phí còn hạn hẹp. Mục tiêu xây dựng Trung tâm triển lãm cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2030 đang được triển khai thực hiện. Do vậy các triển lãm (tranh, ảnh) hiện nay hầu hết được thực hiện tại hội trường, trụ sở cơ quan và một số được tổ chức ngoài trời.

Hiện nay toàn tỉnh có 07 họa sĩ Hội MTTU, 35 họa sĩ Hội MT địa phương, 12 Nghệ sĩ nhiếp ảnh Trung ương, 24 Nghệ sĩ nhiếp ảnh địa phương.

+ Quyền tác giả, quyền liên quan

Giai đoạn 2017 – 2021, Sở VH TTDL đã tổ chức được 01 Hội nghị tập huấn pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan cho đối tượng cán bộ phụ trách

văn hóa của các địa phương và các cá nhân, tổ chức có liên quan của tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh Gia Lai vẫn chưa có hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.

+ Thư viện

Toàn tỉnh hiện có 01 thư viện tỉnh; 01 thư viện Quân đoàn III, 16 thư viện huyện, thị xã; vùng ven thành phố Pleiku đã có 22 tủ sách xã và điểm đọc sách lưu động; hầu hết các xã đều có tủ sách pháp luật.

Hiện Thư viện tỉnh có 98 máy tính kết nối internet: 4 máy chủ; 95 máy trạm; 01 Xe ô tô thư viện lưu động; Thư viện tuyến huyện có 152 máy tính (trong đó máy của Dự án BMGF - VN tài trợ 140 máy, máy của các thư viện được trang bị là 12 máy); 09 máy in, 01 máy scan, 01 máy ép lastic được dự án Bill get đã đầu tư cho 15 huyện.

****Hiệu quả hoạt động của Thư viện tỉnh (so sánh năm 2016 và 2020)***

Năm 2016: Cấp mới 1.150 thẻ bạn đọc. Phục vụ 20.810 lượt bạn đọc; luân chuyển 41.515 lượt sách báo; phục vụ lưu động được 33 điểm, với 80 chuyến, luân chuyển 12.600 bản sách, thu hút 15.000 lượt bạn đọc; phát triển thêm được 5 điểm phục vụ lưu động. Số lượt bạn đọc truy cập trang thông tin điện tử là 112.600 lượt.

Năm 2020: Cấp thẻ bạn đọc: 1.900 thẻ; phục vụ 22.400 lượt bạn đọc; luân chuyển đến bạn đọc: 33.200 lượt sách; Tổng số lượt bạn đọc truy cập Internet 157.084 lượt; làm 178 video tuyên truyền sách phục vụ bạn đọc online qua các trang mạng như facebook, youtube, fanpage thu hút trên 131.020 lượt bạn đọc tham gia. Phục vụ xe ô tô Thư viện Lưu động tại 99 địa điểm với 149 chuyến với tổng số sách, báo trên luân chuyển 530.000 bản sách, thu hút trên 100.000 lượt người tham gia. Luân chuyển 12.000 bản sách báo bằng xe máy phục vụ 35 tủ sách cơ sở; phát triển thêm 04 điểm mới.

* Số lượt sách luân chuyển và phục vụ lưu động tăng từ 33 điểm năm 2016 lên 134 điểm năm 2020 và lượt sách báo luân chuyển từ 12.600 bản năm 2016 lên 530.000 bản năm 2020 là do sự hoạt động hiệu quả của xe ô tô thư viện lưu động mang lại.

+ Quảng cáo:

Năm 2020, Sở VH-TTDL đã có báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Kết quả đánh giá như sau:

Về tuyên truyền nhiệm vụ chính trị

Nhìn chung các địa phương đã đầu tư hệ thống pano, cụm pano, trụ treo băng rôn ngang tại các địa điểm trung tâm huyện, các xã, phường, thị trấn. Đến

nay, các địa phương trong toàn tỉnh đã xây dựng được 1.482 pa nô, cụm pa nô; 78 trụ treo pa nô; 14 cổng chào điện tử và cổng pa nô chào mừng quý khách; 11 đèn Led chạy chữ tuyên truyền chính trị kết hợp quảng cáo qua đường; 550 trụ phướn; 157 cặp trụ treo băng rôn ngang qua đường.

Về hoạt động quảng cáo thương mại

Thời gian qua, các địa phương đã thu hút được một số đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư xây dựng bảng tuyên truyền chính trị kết hợp quảng cáo thương mại. Thông qua việc chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, lễ hội, Tết cổ truyền của dân tộc, các sự kiện văn hóa của tỉnh và của cả nước. Tuy nhiên việc quảng cáo thương mại xen lẫn tuyên truyền cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị chủ yếu tập trung tại trung tâm hành chính tỉnh. Tại thành phố Pleiku một số doanh nghiệp quảng cáo như Giàu Nguyễn, Tấn Toàn Toàn Thắng, TTM đầu tư xây dựng một số bảng quảng cáo, pa nô tại một số khu vực như Đồng Xanh, Hàm Rồng, dải phân cách Nguyễn Tất Thành, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Hai Bà Trưng, Cách mạng Tháng Tám, Trần Phú, 17/3, Tôn Thất Tùng. Ngoài ra còn có một số huyện cũng được một số doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình quảng cáo, tuyên truyền chính trị kết hợp quảng cáo.

II. Thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực thi văn bản

1. Thuận lợi

- Quá trình thực thi văn bản pháp luật về văn hóa, gia đình trên địa bàn tỉnh nhận được sự quan tâm của hệ thống chính trị, các cấp ủy đảng. Văn bản được phổ biến kịp thời từ cấp tỉnh đến cơ sở.

- Đội ngũ làm văn hóa có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, gương mẫu, sáng tạo trong công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật tại địa phương.

2. Khó khăn

- Gia Lai là tỉnh miền núi, điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, thiếu thốn vì vậy việc thực thi văn bản còn gặp hạn chế. Mặt khác, trên 40% dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số nên việc tuyên truyền, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật vào cuộc sống cần có thời gian để người dân hiểu và làm theo.

- Nguồn nhân lực làm văn hóa ở các địa phương đang rất thiếu (mỗi phòng văn hóa thường chỉ có 02 biên chế) nên việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa đạt được hiệu quả theo yêu cầu.

III. Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các Luật, Nghị định, Thông tư về văn hóa, gia đình giai đoạn 2021 - 2026

2.1. Lĩnh vực Văn hóa-Thanh tra

- Đề nghị có quy định về mức chi cho các Hội đồng nghệ thuật, Ban Giám khảo, cơ cấu giải thưởng tại các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan nghệ thuật.

- Tại Thông tư 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 đề nghị cần có quy định đối với mức chi cho Hội đồng nghệ thuật biểu diễn.

- Nghị định 113 về hoạt động mỹ thuật, Điều 17. Sao chép tác phẩm mỹ thuật chỉ quy định việc sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ, không quy định tác phẩm mỹ thuật có nội dung tôn giáo. Nhưng tại Thông tư 01/2018/TT-BVHTTDL, ngày 18/01/2018 của Bộ VHTTDL quy định chi tiết thi hành một số điều tại nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động Mỹ thuật, giải thích từ ngữ *tác phẩm mỹ thuật bao gồm tác phẩm mỹ thuật có nội dung tôn giáo,...* Vậy việc sao chép tượng tôn giáo đặt trong khuôn viên của nhà thờ, nhà chùa có phải xin phép sao chép hay không?

- Chỉ thị 172/CT-BVHTTDL ngày 06/9/2012 của Bộ VHTTDL về việc tổ chức triển khai thực hiện Luật Quảng cáo, trong đó yêu cầu bản sao quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 8 Điều 29 phải là bản sao có công chứng hoặc chứng thực. Đến thời điểm này còn hiệu lực không? (hiện nay doanh nghiệp thường sử dụng bản scan màu không có công chứng, do sản phẩm các ngành lớn không cung cấp bản sao có công chứng).

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 đã bãi bỏ quy định về khoảng cách của địa điểm hoạt động kinh doanh karaoke (*điểm a, khoản 2, điều 21 Nghị định 54/2019/NĐ-CP bãi bỏ điều 30 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009*). Vì vậy Khoản 20 Điều 2 Nghị định 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 sửa đổi Điều 16 của Nghị định 158/2013/NĐ-CP (*điểm b, khoản 2, điều 16 Văn bản hợp nhất số 1433/VBHN-BVHTTDL ngày 10/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) là không còn phù hợp – cần phải bãi bỏ.

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 đã bãi bỏ quy định về ánh sáng của phòng hát karaoke (*điểm a, khoản 2, điều 21 Nghị định 54/2019/NĐ-CP bãi bỏ điều 32 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009*). Vì vậy Khoản 20 Điều 2 Nghị định 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 sửa đổi Điều 16 của Nghị định 158/2013/NĐ-CP (*điểm đ, khoản 2, điều 16 Văn bản hợp nhất số 1433/VBHN-BVHTTDL ngày 10/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) là không còn phù hợp – cần phải bãi bỏ.

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 đã bãi bỏ quy định về thiết kế cửa phòng karaoke (*điểm a, khoản 2, điều 21 Nghị định 54/2019/NĐ-CP bãi bỏ điều 30 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009*). Vì vậy tại Khoản 20 Điều 2 Nghị định 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 sửa đổi Điều 16 của Nghị định 158/2013/NĐ-CP (*điểm b, khoản 4, điều 16 Văn bản hợp nhất số 1433/VBHN-BVHTTDL ngày 10/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) là không còn phù hợp – cần phải bãi bỏ.

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 đã bãi bỏ quy định về số lượng nhân viên phục vụ trong phòng karaoke (*điểm a, khoản 2, điều 21 Nghị định 54/2019/NĐ-CP bãi bỏ điều 32 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009*). Vì vậy quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 19 Nghị định 158/2013/NĐ-CP là không còn phù hợp - cần phải bãi bỏ.

2.2. Lĩnh vực Di sản văn hóa

a. Trách nhiệm lập hồ sơ khoa học di tích đề nghị xếp hạng:

Theo khoản 1, Điều 13, Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010, *Căn cứ quy định xếp hạng di tích tại các khoản 10, 11 và 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, Giám đốc Sở VH-TT-DL chịu trách nhiệm lập hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét xếp hạng, đề nghị xếp hạng di tích theo thẩm quyền.*

Quy định này gây khó khăn cho địa phương trong việc phân công lập hồ sơ di tích. Từ 1975 đến nay, tỉnh không thành lập Trung tâm bảo tồn di tích (hoặc 1 đơn vị có chức năng tương tự như vậy). Do đó, nhiều năm qua, việc lập hồ sơ được giao cho Bảo tàng tỉnh và UBND cấp huyện¹.

Căn cứ quy định trên, một số địa phương đã đề nghị Sở VH-TT-DL chịu trách nhiệm về việc này. Trong khi đó, đơn vị chuyên môn của Sở (Phòng Quản lý Di sản văn hoá) là bộ phận thực hiện nhiệm vụ thẩm định hồ sơ, trình xếp hạng, nên không thể trực tiếp làm hồ sơ, để đảm bảo tính khách quan. Chưa kể, nguồn nhân lực của bộ phận này rất hạn chế, không thể triển khai việc lập hồ sơ trên địa bàn toàn tỉnh. Cũng như vậy, nếu chỉ Bảo tàng tỉnh thực hiện công việc này thì không thể đảm bảo tiến độ và đều khắp ở các địa phương.

Để có cơ sở phân công, phân cấp việc lập hồ sơ khoa học di tích, kính đề nghị Bộ VH-TT-DL xem xét, chỉnh sửa Điều 13, Nghị định 98/2010/NĐ-CP về trách nhiệm lập hồ sơ khoa học di tích, sao cho phù hợp với thực tế.

b. Về thành phần hồ sơ di tích:

Theo khoản 3, Điều 9, Thông tư 04/2011/TT-BVH-TT-DL ngày 14/7/2011, *ảnh màu khảo tả di tích, hiện vật thuộc di tích được in trên giấy ảnh, cỡ ảnh từ 9cm x 12cm trở lên, được dán lên giấy bìa và đóng thành quyển khổ giấy A4...*

Quy định này không là tối ưu trong thời điểm hiện nay. Việc in ảnh màu trực tiếp trên giấy bìa vẫn đảm bảo chất lượng, rõ nét các hiện vật, đặc điểm di tích hơn là cách làm “truyền thống” đã nêu, vừa mất nhiều thời gian, công đoạn mà cách thức trình bày khó thống nhất cho cả tập ảnh. Thậm chí, sau một thời gian, ảnh dán trên giấy bìa có thể bị bong tróc, thất lạc, ảnh hưởng đến việc lưu trữ hồ sơ.

Đề nghị Bộ xem xét, bổ sung hình thức in ảnh trực tiếp trên giấy bìa đối với tập ảnh màu khảo tả di tích, hiện vật quy định tại khoản 3, Điều 9, Thông tư 04/2011/TT-BVH-TT-DL.

c. Định dạng tài liệu điện tử

¹ Ngày 25/8/2017, Sở VH-TT-DL tổ chức lớp tập huấn lập hồ sơ khoa học di tích cho cán bộ phụ trách lĩnh vực văn hoá của UBND, Phòng VH-TT 17 huyện, thị xã, thành phố. Ngày 06/9/2017, Sở có Công văn số 940/SVH-TT-DL-QLDSVH về việc lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị chức năng của địa phương chủ động nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học di tích đề nghị xếp hạng theo quy định hiện hành.

Khoản 3, Điều 4, Thông tư 04/2011/TT-BVHTTDL khuyến khích việc định dạng tài liệu điện tử đối với các thành phần của hồ sơ khoa học di tích để lưu trữ cùng hồ sơ giấy. Ngày 06/12/2019, Sở VHTTDL Gia Lai đã có Công văn số 2214/SVHTTDL-QLDSVH đề nghị Cục DSVH tham mưu Bộ VHTTDL có văn bản hướng dẫn việc quản lý, lưu trữ hồ sơ khoa học di tích điện tử là bắt buộc (thay vì chỉ “khuyến khích”), bên cạnh việc lưu trữ hồ sơ giấy như hiện hành. Nay, Sở tiếp tục đề nghị Bộ xem xét việc này.

2.3. Lĩnh vực Gia đình

a. Công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình

Những năm qua, với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, văn hoá - xã hội của cũng đã làm thay đổi quan niệm về xây dựng gia đình trong thời đại mới, tuy nhiên, tình trạng bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Gia Lai vẫn còn xảy ra, nhất là một số xã vùng sâu, vùng xa. Trong giai đoạn 2005 - 2019, đã xảy ra 757 vụ bạo lực gia đình. Tổng số nạn nhân bị bạo lực gia đình được khám và chăm sóc y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là 200 người.

Nguyên nhân của tình trạng bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em vẫn còn xảy ra là do công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của bậc làm cha, mẹ của trẻ và nhận thức của trẻ về kỹ năng phòng tránh bị xâm hại, bị bạo lực còn hạn chế, một số bậc cha mẹ chưa có kỹ năng phát hiện những biểu hiện bất thường của con để phát hiện kịp thời tình trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại.

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật hình sự, pháp luật hôn nhân gia đình, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình còn hạn chế, đặc biệt vẫn còn một số trường hợp đối tượng vi phạm pháp luật về bạo lực gia đình nhưng không biết bản thân có hành vi vi phạm.

Mặt khác, khó khăn trong xử lý và hạn chế tình trạng bạo lực gia đình vì hiện nay theo Nghị định số 167-NĐ-CP ngày 12/11/2013 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình, các mức phạt về hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe cho người gây ra hành vi bạo lực.

Ngoài ra, những trường hợp người nộp phạt nhưng không có thu nhập gặp rất nhiều khó khăn cho các cơ quan liên quan. Thực tế, có rất nhiều trường hợp nạn nhân phải đi nộp thay cho người có hành vi vi phạm, như vậy thì không thể giáo dục người vi phạm mà trái lại chỉ làm nạn nhân không muốn tố cáo lần sau.

Ví dụ: tại Điều 49. Hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình. Đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình. Mức phạt chỉ từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng; sử dụng các công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên gia đình; Không kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu điều trị trong trường hợp nạn nhân cần được cấp cứu kịp thời hoặc không chăm sóc nạn nhân trong thời gian nạn nhân điều trị chấn thương do

hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối, mức phạt tiền chỉ từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Tại Điều 52. Với hành vi cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý: tuy nhiên mức phạt chỉ là “phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng”.

Tại Điều 55. Hành vi cưỡng ép kết hôn, ly hôn, tảo hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ. Mức phạt chỉ từ: “Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng”.

Điều 65. Vi phạm quy định về quyết định cảm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Mức phạt cũng chỉ là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

Và một số điều khác mức phạt chỉ từ 100.000đ đến 300.000đ, với những quy định và chế tài xử phạt như trên hầu như các đối tượng gây ra hành vi bạo lực gia đình vẫn còn xem nhẹ và có trường hợp không chấp hành hình phạt, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”

- Căn cứ Nghị định 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 Nghị định về Quy định xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn, làng, tổ dân phố văn hoá”.

Tại điểm 5, Điều 5 quy định về “Giấy khen gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá được tặng không quá 15% trên tổng số gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hoá đủ 3 năm liên tục, khu dân cư được công nhận danh hiệu Khu dân cư văn hoá đủ 05 năm liên tục”.

Tuy nhiên, tỉnh Gia Lai tổng số 131/1.605 thôn, làng, tổ dân phố văn hoá (chiếm 8%) chỉ có từ 3 đến 6 thôn, làng, tổ dân phố. Nếu theo quy định không quá 15% thì 131 thôn, làng, tổ dân phố nói trên sẽ không bao giờ được nhận giấy khen dù đạt tiêu chuẩn đủ 05 năm liên tục được công nhận danh hiệu văn hoá (vì vượt quá 15% theo quy định).

c. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị xem xét nâng cao mức xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến bạo lực gia đình tại Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ để mang tính răn đe hơn.

- Sửa đổi một số nội dung về khen thưởng tại Nghị định 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 Nghị định về Quy định xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn, làng, tổ dân phố văn hoá” cho phù hợp với thực tiễn hiện nay và tình hình tại các địa phương.

- Thành phần của Ban Chỉ đạo công tác gia đình (tại công văn số 1316/BVHTTDL-GĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch “Về việc hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo công tác gia đình”) và thành phần Ban Chỉ đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo hướng dẫn của BCD trung ương ở cấp tỉnh, huyện, xã là hoàn toàn như

nhau. Vậy, để làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ cả hai phong trào TĐĐKXDĐSVH và công tác gia đình, PCBLGD đề nghị Bộ VHTTDL cần ban hành văn bản chỉ đạo các tỉnh, thành trong cả nước thống nhất lồng ghép chung 02 Ban Chỉ đạo nêu trên thành 01 ban.

- Đề nghị Bộ VHTTDL phối hợp các Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành cơ chế xây dựng mạng lưới cộng tác viên về công tác gia đình và lĩnh vực văn hoá tại cơ sở, đồng thời có chế độ phụ cấp hàng tháng tương xứng với công việc được giao cho đội ngũ này nhằm nâng cao chất lượng và phục vụ đặc lực cho công tác quản lý chỉ đạo, điều hành, góp phần phục vụ quá trình phát triển chung của ngành VHTTDL./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, QLVH, HT.

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Nhung